

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ THANH QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 522/QĐ-UBND

Thanh Quang, ngày 05 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã
Quý III năm 2021 của xã Thanh Quang**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THANH QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của
Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân
sách;*

Xét đề nghị của công chức Tài chính – Kế toán xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã quý III năm 2021 của xã Thanh Quang (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

- Thời hạn công khai theo quy định tại Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016: 30 ngày

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã, Ban tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng TC-KH huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Thảo

**BÁO CÁO CÔNG KHAI THUYẾT MINH
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSX QUÝ III NĂM 2021**

I THU NGÂN SÁCH:

Tổng thu ngân sách xã 9 tháng đầu năm 2021 đạt, 15.865,087 triệu đồng, đạt 94,97% dự toán năm, bằng 146,65 % so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó:

- Thu ngân sách xã hưởng 100% : 161.335 triệu đồng, đạt 115,24% so với dự toán
- Thu từ các khoản phân chi theo tỷ lệ phần trăm (%): 10.637,961 triệu đồng, đạt 104,06%.

Các khoản thu đạt và vượt với tiến độ dự toán:

- + Thu phí, lệ phí: 23,561 triệu đồng đạt 117,81 % so với dự toán năm,
- + Thu lệ phí trước bạ nhà đất: 298,997 triệu đồng, đạt 199,33% dự toán năm,
- + Thu khác: 80,342 triệu đồng, đạt 200,86% so với dự toán năm,
- + Thu tiền sử dụng đất đạt: 10.016,847 triệu đồng đạt 102,89 % so với dự toán năm.

II CHI NGÂN SÁCH

Tổng chi ngân sách xã 9 tháng đầu năm 2021: 9.156,1 triệu đồng, đạt 54,81% dự toán năm, bằng 107,64% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó:

Chi hoạt động thường xuyên ngân sách xã đảm bảo theo tiến độ dự toán đề ra là 4.113,1 triệu đồng đạt 68,9 % kế hoạch dự toán, đạt 76,5 % so với số đã phân bổ.

Chi đầu tư phát triển trong 6 tháng đầu năm 2021 là 5.043 triệu đồng đạt 46,97 % so với kế hoạch giao và dự phòng, đạt 79,69 % so với số đã phân bổ.

Nhìn chung, trong 9 tháng đầu năm 2021, mặc dù tình hình dịch bệnh Covid – 19 diễn biến phức tạp, song UBND xã đã thực hiện điều hành ngân sách phục vụ các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, các hoạt động của các ngành, đoàn thể được đảm bảo. UBND xã đã đảm bảo cân đối nguồn ngân sách để ưu tiên chi các chế độ an sinh xã hội, đáp ứng đầy đủ được các khoản chi thường xuyên đảm bảo cho hoạt động của địa phương như chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ; đảm bảo chi trợ cấp khó khăn, chi quà Tết Nguyên đán cho một số đối tượng và các khoản chi thiết yếu theo dự toán được giao. Ưu tiên chi cho công tác phòng, chống dịch Covid-19. Đồng thời phân bổ nguồn vốn chi thanh toán khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành theo kế hoạch vốn đã đề ra.

Trên đây là khái quát tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã 9 tháng đầu năm 2021, UBND xã trân trọng báo cáo.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Thảo

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Đơn vị: đồng



STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN 09 THÁNG	SỐ SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	TỔNG SỐ THU	16.705.957.573	15.865.087.700	94,97
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	140.000.000	161.335.000	115,24
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	10.223.266.400	10.637.961.527	104,06
3	Thu bổ sung	5.670.289.000	4.393.389.000	77,48
	- <i>Bổ sung cân đối ngân sách</i>	<i>4.112.300.000</i>	<i>2.835.400.000</i>	<i>68,95</i>
	- <i>Bổ sung có mục tiêu</i>	<i>1.557.989.000</i>	<i>1.557.989.000</i>	<i>100</i>
4	Thu chuyển nguồn	672.402.173	672.402.173	100
II	TỔNG SỐ CHI	16.705.957.573	9.156.101.350	54,81
1	Chi đầu tư phát triển	6.328.000.000	5.043.000.000	79,69
2	Chi thường xuyên	5.376.887.000	4.113.101.350	76,5
3	Dự phòng	5.001.070.573		

QUỐC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021



Đơn vị: đồng

STT		DỰ TOÁN NĂM		THỰC HIỆN 9 THÁNG		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B.	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
I	Tổng số thu	39.478.579.173	16.705.957.573	38.846.690.583	15.865.087.700	98,4	94,97
1	Các khoản thu 100%	140.000.000	140.000.000	161.923.000	161.335.000	115,66	115,24
2	Phí, lệ phí	20.000.000	20.000.000	23.561.000	23.561.000	117,81	117,81
21	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	80.000.000	80.000.000	8.432.000	8.432.000	10,54	10,54
22	Thu HLC từ quỹ đất công ích và đất công	80.000.000	80.000.000	8.432.000	8.432.000	10,54	10,54
23	Thu tiền đền bù khi nhà nước thu hồi đất						
24	Thu khác						
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	40.000.000	40.000.000	49.000.000	49.000.000	202,33	200,86
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	32.995.888.000	10.223.266.400	33.618.976.410	10.637.961.527	101,89	104,06
1	Các khoản thu phân chia	265.000.000	265.000.000	419.831.912	419.831.912	158,43	158,43
11	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	90.000.000	90.000.000	96.234.000	96.234.000	106,93	106,93
12	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình	25.000.000	25.000.000	24.600.000	24.600.000	98,4	98,4
13	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	150.000.000	150.000.000	298.997.912	298.997.912	199,33	199,33
14	Lệ phí trước bạ nhà, đất	32.730.888.000	9.958.266.400	33.199.144.498	10.218.129.615	101,43	102,61
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	32.452.888.000	9.735.866.400	32.947.542.000	10.016.847.600	101,52	102,89
21	Thu tiền sử dụng đất						
22	Thu tiền thuế mặt đất, mặt nước						
23	Thuế tài nguyên	183.000.000	146.400.000	138.588.930	110.871.152	75,73	75,73
24	Thuế giá trị gia tăng						
25	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
26	Thuế thu nhập cá nhân	95.000.000	76.000.000	113.013.568	90.410.863	118,96	118,96
27	Thuế tiêu thụ đặc biệt						



STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		THỰC HIỆN 9 THÁNG		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)	672.402.173	672.402.173	672.402.173	672.402.173	100	100
IV	Thu chuyển nguồn						
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	5.670.289.000	5.670.289.000	4.393.389.000	4.393.389.000	77,48	77,48
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.112.300.000	4.112.300.000	2.835.400.000	2.835.400.000	68,95	68,95
1	Thu bổ sung cân đối	1.557.989.000	1.557.989.000	1.557.989.000	1.557.989.000	100	100
2	Thu bổ sung có mục tiêu						

